

Số: 22 /QĐ-UBND

Bách Quang, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (Giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (Lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN 3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05) –
(bà Đào Thị Lựa)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÁCH QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Đất đai 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Bộ nông nghiệp và Môi trường về việc đình chỉ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định 181/1999-TTg ngày 01/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Sông Công I, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-HTKCN ngày 08/11/2024 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng KCN Sông Công I, giai đoạn 2 (Lô A, B, C, H1);

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-HTKCN ngày 08/11/2024 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng giai đoạn 3 của KCN Sông Công I;

Thực hiện nội dung Thông báo số 22/TB-UBND ngày 17/01/2025 của UBND thành phố Sông Công về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05);

Thực hiện Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND thành phố Sông Công v/v phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Công I (giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (Lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN 3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05);

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND phường Bách Quang v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (Giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (Lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN 3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05) – bà Đào Thị Lua;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 13 /TTr-KTHT&ĐT ngày 08 /01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi diện tích **6.900,6 m²** của 01 hộ gia đình, cá nhân, phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

* Lý do thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (Giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (Lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN 3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05) – (bà Đào Thị Lua).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bách Quang có trách nhiệm giao quyết định này cho cho hộ gia đình, cá nhân có tên trong phụ lục kèm theo tại Điều 1; trường hợp các hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND phường Bách Quang và tại nhà văn hoá của TDP Cầu Sắt trong phạm vi thu hồi đất.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bách Quang trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Văn phòng HĐND-UBND phường Bách Quang có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND phường Bách Quang.

3. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bách Quang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III, Chủ đầu tư dự án và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy phường (B/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND phường (B/c);
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VP, KTHTĐT (15b).

Namnh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiên Dũng

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của UBND phường Bách Quang)



STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(12)
1	Đào Thị Lụa (SDD: 019 147 000 265; SDT: 0398358200)	TDP Cầu Sắt, phường Bách Quang			8.624,0	9.776,6	6.900,6		
			131 (30)	18 (25-IV)	400,0	400,0	400,0	ODT	Có GCN QSD đất (thu hồi một phần)
					8.224,0	9.376,6	6.500,6	CLN	
TỔNG CỘNG					8.624,0	9.776,6	6.900,6		